UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 184 /BC-THKĐ

Dương Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO
Công khai trong hoạt động giáo dục của nhà trường cuối năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học;

Căn cứ Quyết định số 2045/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2024-2025;

Công văn số 3898/BGDĐT-GDTH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 3050/SGDĐT-GDTH ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH - THKĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 của trường Tiểu học Kim Đồng về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025 và xét tình hình thực tế của nhà trường.

Trường Tiểu học Kim Đồng thực hiện công tác công khai cuối năm học 2024-2025 như sau:

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục:

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Kim Đồng - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện

thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử):

Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Kiên, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 6656 6839

Thư điện tử: ***c1kimdong-hadong@hanoiedu.vn***

Trang web: ***http://c1kimdong.pgdhadong.edu.vn/***

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND quận Hà Đông - Thành Phố Hà Nội

4. Sứ mệnh

- Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, sáng tạo, năng động để mỗi học sinh được bồi dưỡng thường xuyên các kỹ năng của một công dân toàn cầu: kỹ năng mềm, kỹ năng sống còn, kỹ năng học tập tự học và sáng tạo… để học sinh thấy hạnh phúc khi đến trường, phát triển tối đa khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước.

- Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục hiện đại, giúp các em tiếp cận tri thức, tinh hoa của nhân loại một cách nhẹ nhàng và tự nhiên nhất.

** Tầm nhìn*

- Phấn đấu xây dựng trường thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, nơi đào tạo những công dân toàn cầu có nền tảng đạo đức chuẩn mực, trí tuệ sáng suốt, có nghị lực, đam mê để sống hạnh phúc và thành công.

- Là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

** Giá trị cốt lõi*

- Đoàn kết: Học sinh biết yêu thương bản thân, gia đình, thầy cô, bạn bè và cộng đồng, biết tôn trọng bản thân mình và những người xung quanh, tôn trọng nội quy nề nếp của nhà trường, tôn trọng người lớn … thông qua hành vi lễ phép chào hỏi, lắng nghe tích cực. Môi trường học tập hiệu quả nhất phải là môi trường mà tất cả học sinh, giáo viên và nhân viên nhà trường cảm thấy hạnh phúc khi được sống, học tập và làm việc cùng nhau.

- Hợp tác: Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh, cùng hướng về một mục tiêu chung trên hành trình "Tất cả vì học sinh thân yêu".

- Sáng tạo: Xây dựng môi trường học tập sáng tạo thông qua việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

*** Mục tiêu:**

**** Về Chất lượng giáo dục :***

1. Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 1,2,3,4,5 ***(theo TT27/2020/TT-BGDĐT):***

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tiếng Việt	1.055	745	70.6	310	29.4	0	0
2	Toán	1.055	781	74.0	274	26.0	0	0
3	Đạo đức	1.055	842	79.8	213	20.2	0	0
4	Tự nhiên và Xã hội	628	488	77.7	140	22.3	0	0
5	Âm nhạc	1.055	356	33.7	699	66.3	0	0
6	Mĩ thuật	1.055	364	34.5	691	65.5	0	0
7	Thể dục	1.055	393	37.3	662	62.7	0	0
8	Hoạt động trải nghiệm	1.055	821	77.8	234	22.2	0	0
9	Lịch sử và Địa lý (lớp 4,5)	427	320	74.9	107	25.1	0	0
10	Khoa học (lớp 4,5)	427	313	73.3	114	26.7	0	0
11	Tin học (lớp 3,4,5)	613	320	52.2	293	47.8	0	0
12	Công Nghệ (lớp 3,4,5)	613	468	76.3	145	23.7	0	0
13	Tiếng Anh (lớp 3,4,5)	613	291	47.5	322	52.5	0	0

2. Đánh giá về phẩm chất năng lực đối với lớp 1,2,3,4,5

a. Những phẩm chất chủ yếu

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Yêu nước	1.055	986	93.5	69	6.5	0	0
Nhân ái	1.055	973	92.2	82	7.8	0	0
Chăm chỉ	1.055	841	79.7	214	20.3	0	0
Trung thực	1.055	885	83.9	170	16.1	0	0
Trách nhiệm	1.055	860	81.5	195	18.5	0	0

b. Những năng lực chủ yếu:

* Những năng lực chung

Nội dung	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tự chủ và tự học	1.055	850	80.6	205	19.4	0	0
Giao tiếp và hợp tác	1.055	847	80.3	208	19.7	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1.055	834	79.9	221	20.1	0	0

* Những năng lực đặc thù

Nội dung	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Ngôn ngữ	1.055	876	83.0	179	17.0	0	0
Tính toán	1.055	838	79.4	217	20.6	0	0
Khoa học	1.055	838	79.4	217	20.6	0	0
Thẩm mĩ	1.055	829	78.6	226	21.4	0	0
Thể chất	1.055	844	80.0	211	20.0	0	0
Công nghệ	613	416	67.9	199	32.1	0	0

Nội dung	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tin học	613	390	63.6	223	36.4	0	0

3. Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với lớp 1,2,3,4,5

TS số Học sinh	TS Học sinh được đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1.055	1.055	328	31.1	43	4.1	684	64.8	0	0

4. Khen thưởng học sinh cuối năm học:

*** Lớp 1,2,3,4,5**

Khối lớp	TS số Học sinh	Danh hiệu học sinh xuất sắc		Danh hiệu học sinh tiêu biểu	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Khối 1	211	64	30.3	8	3.8
Khối 2	231	60	26.0	11	4.8
Khối 3	186	58	31.2	8	4.3
Khối 4	207	74	35.7	6	2.9
Khối 5	220	72	32.7	10	4.8

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Kim Đồng thuộc địa bàn Tổ dân phố Trung Kiên, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Xã Dương Nội trước đây, nay là phường Dương Nội đã có trên 2000 năm lịch sử. Bao đời cư tụ ở trung tâm vùng châu thổ Bắc Bộ, sát kinh đô Thăng Long, các thế hệ người Dương Nội cần cù lao động, tạo ra cơ sở kinh tế chính là nền nông nghiệp và nghề dệt the lụa với những sản phẩm nổi tiếng cả nước, đã được ghi vào sử sách và ca dao. Dương Nội cũng là đất khoa bảng, nằm trong Tứ danh hương với 7 Tiến sĩ, 43 Hương cống từ đầu thế kỷ XVIII về trước và hiện nay đã có 19 Tiến sĩ, trong đó có 02 Phó giáo

sư. Trong những năm gần đây phường Dương Nội có tốc độ đô thị hoá nhanh, đã hình thành các khu đô thị mới như khu đô thị Lê Trọng Tấn, khu đô thị Dương Nội, khu đô thị An Hưng, nhiều dự án bệnh viện, trường học, tương lai phường sẽ phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ cho thu nhập cao.

Trường Tiểu học Kim Đồng (tách ra từ trường Tiểu học Dương Nội B) được thành lập từ tháng 11 năm 2011 với tên gọi là trường Tiểu học Kim Đồng, học sinh học ở đây cơ bản là con em thuộc địa Thôn Ỷ La cũ, với các Tổ dân phố Quyết Tâm; Vinh Quang; Trung Kiên; Đoàn kết; Thắng Lợi.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Đinh Thị Thảo, Số điện thoại: 0941 468 768

Thư điện tử: dinhthithao- c1kimdong@pgdhadong edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có): Quyết định số 11495/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân (UBND) quận Hà Đông về việc thành lập trường Tiểu học Kim Đồng.

b, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số 179 /QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND quận Hà Đông.

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 về việc thuyên chuyển viên chức quản lý giáo dục và bổ nhiệm đồng chí Đinh Thị Thảo giữ chức vụ hiệu trưởng trường Tiểu học Kim Đồng.

Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 về việc Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Kim Đồng đối với đồng chí Trần Thị Phiên đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định (01/1/2025 đ/c Trần Thị Phiên được nghỉ làm việc theo chế độ hưu)

d, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

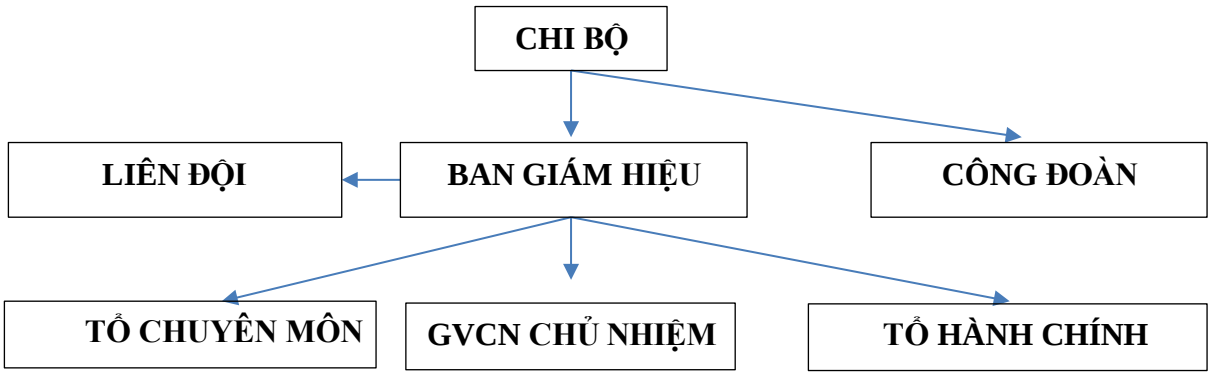

8. Các văn bản khác của trường:

- Kế hoạch, chiến lược phát triển của trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường;
- Quy chế làm việc của trường;
- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Các nghị quyết của hội đồng trường….

II. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, Cán bộ quản lý:

1. CBQL: 01 (01 đồng chí Hiệu phó nghỉ chế độ từ ngày 1/1/2025); Giáo viên: 36; Nhân viên: 04.

2. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

*** Cán bộ quản lý:**

TT	Chức vụ	Số lượng		Đảng viên	Trình độ				So với nhu cầu	
		T.số	Nữ		> ĐH	ĐH	CĐ	Khác	Thừa	Thiếu
1	Hiệu trưởng	01	01	01	01				0	0
2	Phó hiệu trưởng	0	0	0					0	01
Tổng số		**01**	**01**	**01**	**01**				**0**	**01**

*** Tình hình cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

	Tổng số		Biên chế hợp đồng		T.độ lý luận CT	Đảng viên	Trình độ đào tạo				Cân đối	
	TS	Nữ	B/chế	H/đồng			Thạc sỹ	ĐH	CĐ	TC	Thừa	Thiếu
Quản lý	**1**	**1**	**1**		TC: 01	**1**	1					1
GV	**28**	**28**	**26**	**2**	TC: 01	**8**		**27**		**1**		

	Tổng số		Biên chế hợp đồng		T.độ lý luận CT	Đảng viên	Trình độ đào tạo				Cân đối	
	TS	Nữ	B/chế	H/đồng			Thạc sỹ	ĐH	CĐ	TC	Thừa	Thiếu
V.hóa												
GV C/biệt	**8**	**7**	**5**	**3**		**2**		**8**				
Â.nhạc	2	2	1	1		1		2				
M.thuật	1	1	1					1				
Thể dục	1			1				1				
T.Anh	3	3	2	1				3				
Tin học	1	1	1			1		1				
TPT đội												1
Nhân viên	**4**	**4**	**3**	**1**		**4**		**4**				
Kế toán	1	1	1			1		1				
Văn thư	1	1		HĐ 111		1		1				
Thư viện												
TBị	1	1	1			1		1				
Y tế	1	1	1			1		1				
Thủ quỹ												
Tổng số	**41**	**40**	**35**	**6**	**TC: 02**	**15**	**1**	**39**		**1**		**02**

a) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Cán bộ quản lý 01, đạt chuẩn 100%; Giáo viên 36, đạt chuẩn 100%

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- Cán bộ quản lý 01, bồi dưỡng đạt 100%;
- Giáo viên 36, bồi dưỡng đạt 100%.

III. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- Trường đã được công nhận đạt danh hiệu trường chuẩn Quốc gia mức độ I năm

2012 và đã được công nhận lại năm 2020. Năm 2023 trường được Đoàn đánh giá ngoài của Sở giáo dục công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (QĐ số 2935/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023) và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I (QĐ số 73/QĐ-SGDĐT ngày 11/1/2024).

+ Diện tích toàn trường: 4.465 m2

+ Nhà cửa: Gồm 01 dãy nhà 03 tầng và 02 dãy nhà 4 tầng, khu Hiệu bộ, 01 nhà để xe giáo viên. Cụ thể:

*** Phòng học:**

Tổng số	**Trong tổng số**			**Hiện trạng, chất lượng sử dụng**
	Số phòng sử dụng trước năm 2006	Số phòng xây mới đưa vào sử dụng năm 2009	Số phòng cấp 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
24	0	24	0	- Đầy đủ bàn ghế, bảng, tủ, ti vi, máy chiếu … - Hệ thống chiếu sáng theo đúng tiêu chuẩn, hệ thống điều hòa, quạt mát... - Diện tích phòng học đảm bảo theo đúng quy định. Đảm bảo ánh sáng tự nhiên.

*** Phòng chức năng:**

TT	**Tên phòng**	**SL**	**Diện tích**	**Hiện trạng, chất lượng sử dụng**
1	Đoàn Đội	01	40 m^2	Đủ trang bị nội thất, có trang trí.
2	Thư viện	02	103.7 m^2	Đủ bàn ghế, tủ, giá; 02 máy tính nối mạng.
3	TB dạy học	01	51.84 m^2	Đủ các thiết bị ĐDDH, kệ , giá, ...
4	Hội đồng	01	51.84 m^2	Đủ bàn ghế, thiết bị
5	Y tế	01	20 m^2	Đủ bàn ghế, thiết bị, tủ thuốc
6	Hiệu trưởng	01	20 m^2	Đủ bàn ghế, thiết bị.
7	P.Hiệu trưởng	01	20 m^2	Đủ bàn ghế, thiết bị.

8	Truyền thống	01	51.84 m^2	Đủ bàn ghế, thiết bị
9	Giáo viên	02	103.7 m^2	Đủ bàn ghế, thiết bị

*** Các công trình phụ trợ:**

TT	Tên phòng	SL	Diện tích	Hiện trạng, chất lượng sử dụng
1	Nhà đa năng	1	434 m^2	Được trang bị đủ
2	Nhà bếp	1	135 m^2	Đủ trang thiết bị
3	Nhà bảo vệ	1	17.6 m^2	Đủ bàn ghế, giường
4	Phòng vệ sinh	20	Đạt TB 20 m^2/phòng	Đủ gương, bồn rửa tay.
5	Hệ thống bể cấp nước sinh hoạt, bể PCCC, máy bơm cứu hỏa...	1	2 bể ngầm, 1 bể lọc, 2 bể chứa, 2 máy bơm nhà trạm bơm..	- Được trang bị mới theo đúng tiêu chuẩn.

*** Thống kê thiết bị dạy học hiện đại:**

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Số TB được mua, cấp từ nguồn				Ghi chú
			NS Trường	Phường cấp	PGD,UBND quận cấp	Nguồn Xã hội hóa	
	(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	Máy tính xách tay	4	4				
2	Máy tính để bàn	8	8		20		
3	Máy in	7	7		1		
4	Máy phô tô	1	1				
5	Máy chiếu đa năng	13	13				
6	Máy soi vật thể	21				21	
7	Bảng tương tác	0					
8	Bộ âm ly, loa đài	1					
9	Vô tuyến	20	5		15		
10	Đầu DVD	1					
11	Đài đĩa, catset	3					

12	Đàn Oóc	23					
13	Đàn Piano	0					

- Phòng học: 22
- Khối phòng phục vụ học tập: 8
- Khối phòng hành chính quản trị: 4
- Khu nhà bếp, bếp ăn: 01; nhà ăn: 0

*** Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:**

STT	Danh mục SGK cho mỗi môn học	Chủ biên	Tên bộ sách
1	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng Trần Thị Hiền Lương	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 5	Hà Huy Khoái Lê Anh Vinh	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan Trần Thành Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng Phan Thị Thanh Hà	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lý 5	Nguyễn Thị Thu Thuỷ Trần Thị Hà Giang	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy Nguyễn Thụy Anh	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng Đặng Văn Nghĩa	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 5	Lê Khắc Thành	Nhà xuất bản Đại học Vinh.
9	Âm nhạc 5	(Tổng chủ biên Đỗ Thị Minh Chính)	Kết nối tri thức với cuộc sống

STT	Danh mục SGK cho mỗi môn học	Chủ biên	Tên bộ sách
10	Mỹ thuật 5 (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chù biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Chân trời sáng tạo
11	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (TCB), Đỗ Mạnh Hưng(CB)	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 5 WONDERFUL WORLD	- Tác giả Nguyễn Vũ Quỳnh Như.	- Nhà xuất bản: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

- Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục: 36 đầu sách; Số lượng: 262 cuốn.

- Cả 5 khối 1,2,3,4,5 thực hiện Chương trình GD Phổ thông 2018 với bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống (Trừ môn Tiếng Anh, môn Mỹ thuật và môn Tin học)

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

+ Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x		

Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x		
Tiêu chí 1.6		x	x		
Tiêu chí 1.7		x	x		
Tiêu chí 1.8		x	x		
Tiêu chí 1.9		x	x		
Tiêu chí 1.10		x	x		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x		
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x		
Tiêu chí 3.5		x	x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x		
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x	

+ Đánh giá tiêu chí Mức 4: Không có

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 năm 2023 ; đạt chuẩn quốc gia các năm 2012, 2017, 2022; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

V. Kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 226 học sinh (05 lớp 1) Hồ sơ tuyển sinh gồm:

- Đơn xin dự tuyển *(theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);*
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

2. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển:

Đối tượng tuyển sinh:

Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số 182/KH-THKĐ ngày 30/8/2024 của trường Tiểu học Kim Đồng đăng tải trên webiste: c1kimdong-hadong@hanoi edu.vn.

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt tập thể cho học sinh ở cơ sở giáo dục: (*Có kế hoạch riêng kèm theo*)

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tuần	Thứ hai hàng tuần	Hiệu trưởng - Tổng phụ trách - GVCN lớp
2	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt nam	Tháng 11	BGH- BCH Công đoàn
3	Chuyên đề các tuần	Theo KH hàng tuần	Ban phụ trách Đội
4	Hội khỏe Phù đổng	Tháng 12	Ban phụ trách Đội, Đoàn Thanh niên
5	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn
7	Chuyên đề phòng cháy, An toàn giao thông	Tháng 12	Ban phụ trách Đội, Đoàn Thanh niên

8	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Tháng 11,12	BGH, Ban phụ trách Đội

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối	Số lớp	TSHS	Nữ	HS học 2 buổi/ngày		HS ăn bán trú		Học sinh khuyết tật		Tỷ lệ H/S hoàn thành CT lớp học	Dự kiến Tỷ lệ H/S chưa hoàn thành CT lớp học
				Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tổng số	Số HS có hồ sơ KT		
1	4	224	109	4	224	4	207			100	0
2	4	184	79	4	184	4	158			100	0
3	4	203	100	4	203	4	168			100	0
4	5	215	97	5	215	5	149			100	0
5	4	167	89	4	166	4	111	1	1	100	0
Tổng	**21**	**993**	**482**	**21**	**992**	**21**	**792**	**1**	**1**	**100**	**0**

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

3. Kết quả giáo dục :

- Đánh giá các môn học cuối học kì II đối với lớp 1,2,3,4,5

(theo TT27/2020/TT- BGD ĐT)

3.1. Đánh giá kết quả học tập các môn học:

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tiếng Việt	1046	770	73.6	275	26.3	1	0.1
2	Toán	1046	730	69.8	315	30.1	1	0.1
3	Đạo đức	1046	840	80.3	205	19.6	1	0.1
4	Tự nhiên và Xã hội	621	488	78.6	132	21.3	1	0.1
5	Nghệ thuật (Âm nhạc)	1046	393	37.6	652	62.3	1	0.1
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1046	401	38.3	644	61.6	1	0.1
7	Giáo dục thể chất	1046	392	37.5	653	62.4	1	0.1
8	Hoạt động trải nghiệm	1046	809	77.3	236	22.6	1	0.1
9	TH-CN (Công nghệ)	609	497	81.6	112	18.4	0	0
10	TH-CN (Tin học)	609	271	44.5	338	55.5	0	0
11	Ngoại ngữ	1036	585	56.5	451	43.5	0	0

3.2. *Đánh giá về phẩm chất năng lực:*

- Những phẩm chất chủ yếu:

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Số lượng		Tỷ lệ		Số lượng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Yêu nước	1046	953	91.1	93	8.9	0	0
Nhân ái	1046	933	89.2	113	10.8	0	0
Chăm chỉ	1046	779	74.5	267	25.5	0	0
Trung thực	1046	857	81.0	189	19.0	0	0
Trách nhiệm	1046	803	76.8	243	23.2	0	0

- Những năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tự chủ và tự học	1046	840	80.3	206	19.7	0	0
Giao tiếp và hợp tác	1046	823	78.7	223	21.3	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1046	785	75.0	261	25.0	0	0

+ Những năng lực đặc thù

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Ngôn ngữ	1046	834	79.7	212	20.3	0	0
Tính toán	1046	818	78.2	228	21.8	0	0
Khoa học	1046	837	80.0	209	20.0	0	0
Công nghệ	609	464	44.4	145	55.6	0	0
Tin học	609	406	38.8	203	61.2	0	0
Thẩm mĩ	1046	798	76.3	248	23.7	0	0
Thể chất	1046	849	81.2	197	18.8	0	0

- Tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục đối với lớp 1,2,3,4,5:

TS Học sinh	TS học sinh được đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1046	1046	340	32.5	10	1.0	695	66.4	01	0.1

*** Khen thưởng: 886** em (HSSX: 340 em; Tiêu biểu: 10 em; Thư khen: 536 em).

VI . Kết quả tài chính

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính hiện tại với năm trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

(Có Biểu Phụ lục số 01, 02 kèm theo)

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Đối với giáo viên

- Kiểm tra toàn diện 14 đồng chí giáo viên đạt 100% số giáo viên theo kế hoạch. Trong đó xếp loại Tốt có 07 đồng chí, 07 đồng chí xếp loại Khá.
- Dự giờ của lãnh đạo: 78 giờ. Trong đó: Tốt: 42 ; Khá: 36.
- Thi GVG cấp Quận có: 01 đồng chí đạt giải Ba và 01 đồng chí đạt giải Khuyến khích.
- Kết quả SKKN: có 05 đồng chí đạt SKKN cấp quận.
- Đánh giá theo TT 20/2018 về chuẩn nghề nghiệp: 12 Tốt; 17 Khá.
- Đánh giá theo TT 14/2018 về chuẩn cán bộ QL: 01 Tốt
- Đánh giá CCVC năm 2024: 08 đồng chí Hoàn thành Xuất sắc, 22 đồng chí Hoàn thành tốt.
- Chiến sĩ TĐCS: 05 đồng chí
- Lao động Tiên tiến: 25 đồng chí.

2. Tham gia và tổ chức các cuộc thi

- Tham gia thi Olympic Tiếng Anh cấp Tiểu học Quận Hà Đông: có 01 học sinh đạt giải Nhì; 02 học sinh đạt giải Ba; 07 học sinh đạt giải Khuyến khích.
- Kỳ thi Toán quốc tế TIMO: có 02 em đạt Huy chương đồng.
- Kì thi Toán quốc tế Kangaroo: 01 Huy chương bạc; 01 Huy chương Đồng; 06 giải Khuyến khích.
- Cuộc thi Viết chữ đẹp "Nét chữ, nét người" cấp Thành phố: đạt 01 giải Khuyến khích.
- Tham gia thi " Đấu trường Toán học Vioedu" cấp quận: đạt 04 Huy chương vàng; 05 Huy chương bạc; 09 Huy chương Đồng và 16 giải Khuyến khích.
- Tham gia thi "Đấu trường Toán học Vioedu" cấp Thành phố: đạt 01 giải Khuyến khích.

- Tham gia thi "Trạng Nguyên Tiếng Việt" cấp quận: đạt 01 giải Nhì, 01 giải Khuyến khích.

- Tham gia thi "Trạng Nguyên Tiếng Việt" cấp Thành phố: đạt 01 giải Khuyến khích.

- Tham gia cuộc thi "Thầy cô và mái trường" do Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng tổ chức: đạt 01 giải Khuyến khích.

- Tham gia thi Sáng tạo Video Clip Công nghệ AI chủ đề "Tự hào Việt Nam" : Trường đạt 01 giải Khuyến khích.

*** Đánh giá chung:**

- Trường đạt danh hiệu: Tập thể Lao động Tiên tiến.

- Chi bộ đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ đồng thời được Đảng uỷ phường Dương Nội tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

- Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Liên đội nhận bằng khen của TW Đoàn.

*** Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình,**

- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: 221 em, đạt tỉ lệ 100%.

Trường Tiểu học Kim Đồng báo cáo công khai hoạt động giáo dục trong trường học cuối năm học 2024- 2025.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT Hà Đông (báo cáo);
- Webside: http://c1kimdong-hadong @hanoiedu.vn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Thảo